

Phụ lục 02
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2024
(Kèm theo công văn số /UBND-VX ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Mục tiêu	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo kế hoạch đề ra đến năm 2025	Kết quả đạt được năm 2021	Kết quả đạt được năm 2022	Kết quả đạt được năm 2023	Kết quả đạt được năm 2024	So sánh với mục tiêu đề ra đến năm 2025 (Chưa đạt, đạt, vượt)
	Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị	1.1 Lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh là nữ (Nếu có lãnh đạo nữ thì ghi số lãnh đạo nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt; nếu không có lãnh đạo nữ chủ chốt thì ghi không)						
		1.2 Tỷ lệ chính quyền địa phương cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ;						
		1.3 Tỷ lệ chính quyền địa phương cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ;						
2	Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động	2.1. Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương						
		2.2. Tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm						
		2.3. Tỷ lệ nữ giám đốc/ chủ doanh nghiệp, hợp tác xã						

3	Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	3.1. Số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ						
		3.2.1 Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản trong năm						
		3.2.2. Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.						
		3.3. Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng						
		3.4. Tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới						
4	Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế	4.1. Tỷ số giới tính khi sinh						
		4.2. Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản						
		4.3. Tỷ suất sinh ở vị thành niên						

		4.4. Số cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới						
5	Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo	5.1. Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi.						
		5.2.1. Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học						
		5.2.2. Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục cấp trung học cơ sở						
		5.3. Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp						
		5.4.1. Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ.						
		5.4.2. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ						
		6.1. Tỷ lệ dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới						

6	Mục tiêu 6: Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông	6.2. Tỷ lệ tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới						
		6.3. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở						
		6.4. Tỷ lệ đài phát thanh và đài truyền hình ở địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng						